TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Cao Lãnh, ngày 31 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Ông Huỳnh Văn Kiều.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn K, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số C, đường T, Tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phan Thị Ngọc G, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Số C, đường T, Tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị G: Ông Thái Quang T là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, Phạm Văn K và Phan Thị Ngọc G thống nhất thuận tình ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Phạm Văn K và Phan Thị Ngọc G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K và chị Phan Thị Ngọc G thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Phan Minh Q, sinh ngày 10/01/2009 và Phạm Phan Minh Q1, sinh ngày 15/10/2018; hiện con chung tên Phạm Phan Minh Q đang sống với chị G; con chung tên Phạm Phan Minh Q1 đang sống với anh K. Sau khi ly hôn, anh K và chị G thống nhất giao con chung tên Phạm Phan Minh Q1 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Phạm Phan Minh Q cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung tên Q1 và anh K không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Q; Chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung tên Q và chị G không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Q1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Anh K và chị G thống nhất, vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 94,4m^2 trong phạm vi các mốc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại phường M, thành phố C và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, diện tích xây dựng 66,9m^2 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông Phạm Văn K vào ngày 06/5/2019, căn nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tole, nền gạch; hiện căn nhà và đất do chị G cùng con chung tên Phạm Phan Minh Q đang ở, sinh sống và quản lý sử dụng.

Sau khi ly hôn, anh K và chị G thống nhất giao diện tích đất 94,4m^2 trong phạm vi các mốc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại phường M, thành phố C và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, diện tích xây dựng 66,9m^2 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông Phạm Văn K vào ngày 06/5/2019, giao cho chị Phan Thị Ngọc G quản lý, sử dụng căn nhà, đất nêu trên và chị Phan Thị Ngọc G phải trả giá trị nhà, đất trên cho anh Phạm Văn K với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 14/02/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C)

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về hôn nhân và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí về chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009993, ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy, anh Phạm Văn K còn phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí về chia tài sản chung.

Chị Phan Thị Ngọc G phải chịu 7.347.000 đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí về chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.875.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012731, ngày 17/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy, chị Phan Thị Ngọc G còn phải nộp 3.472.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 4.432.000 đồng do chị G đã nộp và chi xong; anh K và chị G mỗi người phải chịu ½ số tiền này. Do đó anh K phải trả lại cho chị G số tiền 2.216.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (số 102/KH 2007, ngày 20/12/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thanh Hiền